

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LK  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 21-6-2022  
V/v: “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LK, ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Nam.

Ông Phạm Quốc Thân.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LK, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ah Trần ThAh A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 712, QuAg Trung, phường Xuân Hòa, Tp Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thúy M, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 28, đường 5, KP Núi Tung, phường Suối Tre, TP LK, tỉnh Đồng Nai.

(Ah A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị M vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-12-2021, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn Ah Trần ThAh A trình bày:*

- Về quA hệ hôn nhân: Ah A và chị M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân thị trấn Xuân Lộc, huyện LK, tỉnh Đồng Nai vào năm 2003.

Theo Ah A, vợ chồng chung sống<sub>1</sub> với nhau không hạnh phúc, nguyên

nhân do bất doodng quA điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau nên chị M đã về cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2005 và sống ly thân từ đó đến nay. Từ ngày ly thân, vợ chồng không quA tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nay Ah nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Ah, chị có một người con tên Trần Lê Mỹ Uyên, sinh ngày 02/4/2005. Sau khi ly hôn Ah đồng ý giao con cho chị M được nuôi cháu, vì từ nhỏ đến lớn đều do chị M là người nuôi dưỡng, Ah không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

*\* Bị đơn chị Lê Thị Thùy M mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng Ah A chị M kết quả xác minh như sau:

*Tại biên bản lấy lời khai xác minh ngày 29/4/2022 tại Ủy BA nhân dân phường Suối Tre cho biết:*

- Chị Lê Thị Thùy M, sinh năm 1980, có đăng ký hộ khẩu và hiện đnag sinh sống tại số 28, đường số 5, khu phố Núi Tung, phường Suối Tre, Tp LK. Chị M sống cùng con tại địa phương hơn 10 năm nay, về mâu thuẫn vợ chồng như thế nào địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, vợ chồng chị M sống ly thân, chị M cùng con sống ở Suối Tre còn chồng chị M sống ở phường Xuân Hòa, TP. LK. Chị M làm công nhân nên thường xuyên vắng nhà.

*Tại biên bản lấy lời khai xác minh người làm chứng ngày 28/4/2022 chị Trần Thị Mỹ Dung cho biết:*

Chị là chị ruột của Ah Trần ThAh A. Vào năm 2003 Ah A và chị Lê Thị Thùy M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn và đám cưới theo phong tục. Khi kết hôn Ah chị còn trẻ nên hay mâu thuẫn và cãi vã nhau. Đến năm 2005 chị M và con về cha mẹ ruột của chị M ở Suối Tre sinh sống cho đến nay, gia đình chúng tôi đã nhiều lần đến khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay thời giA vợ chồng ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho Ah chị.

Ah chị M sống với nhau có 01 người con tên là Trần Thị Mỹ Uyên, sinh ngày 02/4/2005. Hiện nay cháu đAg ở với chị M.

*\* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quA hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ2thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng

và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quA hệ hôn nhân: Đề nghị cho Ah A được ly hôn với chị M. Về con: Đề nghị giao con Trần Thị Mỹ Uyên, sinh ngày 02/4/2005 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Ah A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quA hệ pháp luật trAh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ah Trần ThAh A khởi kiện yêu cầu ly hôn, trAh chấp về nuôi con với chị Lê Thị Thùy M, vì vậy quA hệ quA hệ pháp luật trAh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị M có nơi cư trú tại: Khu phố Núi Tung, phường Suối Tre, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LK theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn Ah A vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị M, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] QuA hệ hôn nhân giữa Ah A và chị M xác lập năm 2003 có đăng ký kết hôn theo luật định nên Hội đồng xét xử áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[4] Về quA hệ hôn nhân: QuA hệ hôn nhân giữa Ah A và chị M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân TT. Xuân Lộc, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16-12-2003. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn Ah A yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị M đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Suối Tre từ năm 2005. Từ đó cho đến nay vợ chồng không còn sống chung, tình cảm vợ chồng không còn. Lời khai của các nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng Ah A và M đã không còn thương yêu, quA tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Do đó, có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị M và Ah A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, thì yêu cầu ly hôn của Ah A đối với chị M là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ah A và chị M có 01 người

con là Trần Thị Mỹ Uyên, sinh ngày 02/4/2005 từ khi sinh cho đến nay chị M là người chăm sóc nuôi dưỡng nên Ah giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. chị M không có ý kiến gì về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Ah A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó Ah phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ah Trần Thị A, về việc “Ly hôn, trả Ah chấp về nuôi con” đối với chị Lê Thị Thùy M.

1. Về qua hệ hôn nhân: Ah Trần Thị A được ly hôn với chị Lê Thị Thùy M.

2. Về con chung: Giao con Trần Thị Mỹ Uyên, sinh ngày 02/4/2005 cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời Ah A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Ah A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ah Trần Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Ah A đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002518 ngày 06-12-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố LK, tỉnh Đồng Nai. Ah A đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong

hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố LK;
- Chi cục THA thành phố LK;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Xuân Hòa, thành phố LK (GCNKH số 748 quyền 3/2003 ngày 16-12-2003) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hùng**





**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Tổ**









